

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 19-3-2018
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Minh Luân.
2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh T - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình N - Sinh năm 1980 (có mặt) và bà Lâm Thị Ánh M - Sinh năm 1980 (có mặt) - Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017, các văn bản tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày và yêu cầu: Ông có cho ông N, bà M vay tiền các lần cụ thể như sau:

Ngày 30/11/2016, vay 500.000.000 đồng; ngày 03/12/2016, vay 50.000.000 đồng; ngày 07/01/2017, vay 20.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận nợ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 2,5%/tháng. Tổng cộng 570.000.000 đồng.

Khi vay ông N, bà M thế chấp cho ông 04 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 699577, BU 169150, BU 323022, BU 323023 do bà Lâm Thị

Ánh M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp lần lượt các ngày 28/5/2013, 08/01/2015, 03/3/2015 (02 giấy).

Từ khi vay đến nay ông N, bà M chưa thanh toán tiền lãi.

Ông khởi kiện yêu cầu ông N, bà M có nghĩa vụ trả cho ông 570.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Việc thi hành án thực hiện theo quy định pháp luật, ông không đồng ý cho ông N, bà M trả dần hàng tháng. Đối với 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã nộp cho Tòa án và đồng ý giao lại cho Chi cục Thi hành án để trả lại cho ông N, bà M sau khi trả hết nợ cho ông.

- Tại bản tự khai ngày 22/01/2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình N trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông T về thời gian vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, có làm biên nhận nợ. Ông không thống nhất lời trình bày của ông T về việc trả lãi, ông đã trả lãi cho ông T được 08 tháng tổng cộng 104.000.000 đồng (mỗi tháng 13.000.000 đồng), khi trả ông T không làm giấy tờ cho ông.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông T, ông đồng ý cùng bà M trả cho ông T 570.000.000 đồng. Ông yêu cầu được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng. Đối với 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông yêu cầu được nhận lại sau khi ông và bà M trả hết nợ.

- Tại bản tự khai ngày 05/02/2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn bà Lâm Thị Ánh M trình bày: bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông N. Bà đồng ý cùng ông N trả cho ông T 570.000.000 đồng. Bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng và nhận lại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bà và ông N trả hết nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Anh T khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Đình N và bà Lâm Thị Ánh M có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông N, bà M vay tiền của ông T ba lần vào ngày 30/11/2016, 03/12/2016 (thời hạn trả 01 năm) và ngày 07/01/2017 đến ngày 18/12/2017 ông T khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về tiền vốn. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét

xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] Xét việc ông T yêu cầu ông N, bà M trả cho ông T 570.000.000 đồng tiền vốn là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp các giấy nhận nợ ngày 30/11/2016, 03/12/2016, 07/01/2017 được ông N, bà M thừa nhận có vay tiền và đồng ý trả cho ông T 570.000.000 đồng; do hình thức và nội dung hợp đồng được quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 và 2015 không khác nhau, ông T chỉ khởi kiện yêu cầu tiền vốn vay nên áp dụng các Điều 275, 276, 277, 278, 280, 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5] Ông N, bà M yêu cầu được trả dần hàng tháng 20.000.000 đồng. Ông T không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N, bà M. Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Ông T không yêu cầu tiền lãi nên không xem xét. Việc ông N, bà M trình bày có trả cho ông T 104.000.000 đồng tiền lãi, nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét.

[7] Từ các nhận định trên, cần buộc ông N, bà M có nghĩa vụ trả cho ông T 570.000.000 đồng.

[8] Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[9] Tại phiên hòa giải ông T và ông N, bà M thỏa thuận ông T trả lại cho ông N, bà M 04 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 699577, BU 169150, BU 323022, BU 323023 do bà Lâm Thị Ánh M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp lần lượt các ngày 28/5/2013, 08/01/2015, 03/3/2015 (02 giấy), tại phiên tòa ông N và bà M vẫn thống nhất về thời gian trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ghi nhận. Các giấy tờ trên hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án. Khi án có hiệu lực pháp luật sẽ chuyển sang cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ để thi hành.

[10] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: ông T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp. Ông N, bà M có nghĩa vụ trả cho ông T 570.000.000 đồng nên phải chịu 26.800.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

các Điều 275, 276, 277, 278, 280, 357, 429, 463, 465, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Đình N, bà Lâm Thị Ánh M.

Buộc ông Nguyễn Đình N và bà Lâm Thị Ánh M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng ông N và bà M còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Trả lại cho ông Nguyễn Đình N và bà Lâm Thị Ánh M 04 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 699577, BU 169150, BU 323022, BU 323023 do bà Lâm Thị Ánh M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp lần lượt các ngày 28/5/2013, 08/01/2015, 03/3/2015 (02 giấy) sau khi ông N, bà M trả hết nợ cho ông T.

Các giấy tờ trên Tòa án đang lưu trong hồ sơ vụ án và sẽ chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Đình N và bà Lâm Thị Ánh M chịu 26.800.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí. Trả lại cho ông T 14.208.400 đồng (mười bốn triệu hai trăm lẻ tám nghìn bốn trăm đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 008161 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

4. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/3/2018). Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái